

## ĐỀ THI CHÍNH THỨC

**HƯỚNG DẪN CHẤM THI**

(Bản Hướng dẫn chấm thi gồm 02 trang)

**A. Hướng dẫn chung**

1. Nếu thí sinh làm bài theo cách riêng, nhưng đáp ứng được yêu cầu cơ bản như trong Hướng dẫn chấm thi, thì vẫn cho đủ điểm như Hướng dẫn quy định.
2. Việc chi tiết hoá điểm số (nếu có) so với biểu điểm phải đảm bảo không sai lệch với Hướng dẫn chấm thi và được thống nhất trong Hội đồng chấm thi.
3. Sau khi cộng điểm toàn bài, làm tròn đến 0,50 điểm (*lẻ 0,25 điểm làm tròn thành 0,50 điểm; lẻ 0,75 điểm làm tròn thành 1,00 điểm*).

**B. Đáp án và thang điểm**

| Câu                  | Ý        | Nội dung                                                                                                                                       | Điểm        |
|----------------------|----------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| <b>I</b><br>(3,0 đ)  | <b>1</b> | <b>Trình bày những biểu hiện tính chất nhiệt đới của khí hậu nước ta. Nguyên nhân nào làm cho khí hậu nước ta có tính chất nhiệt đới?</b>      | <b>2,00</b> |
|                      |          | <b>a) Trình bày những biểu hiện tính chất nhiệt đới của khí hậu nước ta.</b>                                                                   | <b>1,50</b> |
|                      |          | - Tổng bức xạ lớn.                                                                                                                             | 0,25        |
|                      |          | - Cân bằng bức xạ dương quanh năm.                                                                                                             | 0,25        |
|                      |          | - Nhiệt độ trung bình năm cao.                                                                                                                 | 0,50        |
|                      |          | - Tổng số giờ nắng nhiều.                                                                                                                      | 0,50        |
|                      | <b>2</b> | <b>b) Nguyên nhân nào làm cho khí hậu nước ta có tính nhiệt đới?</b>                                                                           | <b>0,50</b> |
|                      |          | - Nước ta nằm trong vùng nội chí tuyến.                                                                                                        | 0,25        |
|                      |          | - Hằng năm, nhận được lượng bức xạ mặt trời lớn do góc nhập xạ lớn và hai lần Mặt Trời lên thiên đỉnh.                                         | 0,25        |
|                      |          |                                                                                                                                                |             |
| <b>II</b><br>(3,5 đ) | <b>1</b> | <b>Dựa vào bảng số liệu, nhận xét dân số Việt Nam qua các năm.</b>                                                                             | <b>1,00</b> |
|                      |          | - Dân số đông, dân nông thôn nhiều hơn thành thị.                                                                                              | 0,25        |
|                      |          | - Tổng số dân và dân thành thị tăng; dân nông thôn tăng đến năm 2009, sau đó có xu hướng giảm.                                                 | 0,50        |
|                      |          | - Dân thành thị tăng nhanh hơn dân nông thôn.                                                                                                  | 0,25        |
|                      |          |                                                                                                                                                |             |
|                      |          |                                                                                                                                                |             |
|                      | <b>2</b> | <b>Trình bày điều kiện thuận lợi về kinh tế - xã hội để phát triển ngành thủy sản nước ta. Nêu các ngư trường trọng điểm đã được xác định.</b> | <b>2,00</b> |
|                      |          | <b>a) Trình bày điều kiện thuận lợi về kinh tế - xã hội để phát triển ngành thủy sản nước ta.</b>                                              | <b>1,00</b> |
|                      |          | - Nhân dân có kinh nghiệm, truyền thống đánh bắt và nuôi trồng.                                                                                | 0,25        |
|                      |          | - Phương tiện tàu thuyền, ngư cụ tốt hơn. Dịch vụ và chế biến thủy sản phát triển.                                                             | 0,25        |
|                      |          | - Thị trường mở rộng.                                                                                                                          | 0,25        |
|                      |          | - Chính sách của Đảng và Nhà nước đổi mới.                                                                                                     | 0,25        |
|                      |          | <b>b) Nêu các ngư trường trọng điểm đã được xác định.</b>                                                                                      | <b>1,00</b> |
|                      |          | - Cà Mau - Kiên Giang (ngư trường vịnh Thái Lan).                                                                                              | 0,25        |
|                      |          | - Ninh Thuận - Bình Thuận - Bà Rịa - Vũng Tàu.                                                                                                 | 0,25        |
|                      |          | - Hải Phòng - Quảng Ninh (ngư trường vịnh Bắc Bộ).                                                                                             | 0,25        |
|                      |          | - Quần đảo Hoàng Sa, quần đảo Trường Sa.                                                                                                       | 0,25        |

|                                                     |          |                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |                              |
|-----------------------------------------------------|----------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------|
|                                                     | <b>2</b> | <b>Dựa vào bảng số liệu, vẽ biểu đồ cột thể hiện sản lượng khai thác dầu thô, than sạch cả nước qua các năm.</b>                                                                                                                                                                                          | <b>1,50</b>                  |
|                                                     |          | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hệ trục tọa độ</li> <li>- Ba nhóm cột (có thể ghi hoặc không ghi số liệu ở trên đầu mỗi cột)</li> <li>- Chú giải</li> <li>- Tên biểu đồ</li> </ul> <p>(Có thể tham khảo biểu đồ dưới đây).</p> <p>SẢN LƯỢNG KHAI THÁC DẦU THÔ, THAN SẠCH CẢ NƯỚC QUA CÁC NĂM</p> | 0,25<br>0,75<br>0,25<br>0,25 |
| <b>III</b><br><b>(3,5 đ)</b>                        | <b>1</b> | <b>Đồng bằng sông Hồng có những thế mạnh chủ yếu nào về tự nhiên để phát triển kinh tế?</b>                                                                                                                                                                                                               | <b>1,50</b>                  |
|                                                     |          | - Đất: Đất nông nghiệp có diện tích lớn, màu mỡ.                                                                                                                                                                                                                                                          | 0,50                         |
|                                                     |          | - Nước: Phong phú.                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 0,25                         |
|                                                     |          | - Biển: Giàu tiềm năng về thủy hải sản, du lịch, giao thông vận tải.                                                                                                                                                                                                                                      | 0,50                         |
|                                                     |          | - Khoáng sản: Đá vôi, sét, cao lanh, than nâu, khí tự nhiên.                                                                                                                                                                                                                                              | 0,25                         |
|                                                     | <b>2</b> | <b>Dựa vào bản đồ Vùng Duyên hải Nam Trung Bộ, vùng Tây Nguyên của Atlas Địa lí Việt Nam, cho biết các loại cây công nghiệp lâu năm ở Tây Nguyên. Nêu giải pháp nâng cao hiệu quả kinh tế - xã hội của sản xuất cây công nghiệp ở vùng này.</b>                                                           | <b>2,00</b>                  |
|                                                     |          | - Cây công nghiệp lâu năm: Cà phê, cao su, điều, hồ tiêu, chè. (Nêu được mỗi loại cây cho 0,25 điểm).                                                                                                                                                                                                     | 1,25                         |
|                                                     |          | - Giải pháp:                                                                                                                                                                                                                                                                                              |                              |
|                                                     |          | + Hoàn thiện quy hoạch các vùng chuyên canh cây công nghiệp, mở rộng diện tích đi đôi với bảo vệ rừng và phát triển thủy lợi.                                                                                                                                                                             | 0,25                         |
|                                                     |          | + Đa dạng hóa cơ cấu cây công nghiệp.                                                                                                                                                                                                                                                                     | 0,25                         |
|                                                     |          | + Đẩy mạnh chế biến và xuất khẩu.                                                                                                                                                                                                                                                                         | 0,25                         |
| <b>ĐIỂM TOÀN BÀI THI: I + II + III = 10,00 điểm</b> |          |                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |                              |

**Đăng ký nhận điểm thi tốt nghiệp THPT năm 2013 sớm nhất Việt Nam**

Soạn tin: **TNI**(dấu cách) **tên tỉnh** (dấu cách) **SBD** gửi **8712**

Lưu ý **tên tỉnh**: Viết liền không dấu.

VD SBD của bạn là 1234 và thi tại Hà Nội soạn tin:

**TNI hanoi 1234** gửi **8712**